

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính năm 2023
và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Công văn số 581/BNV-CCHC ngày 21/02/2022 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính (CCHC) định kỳ; UBND tỉnh Đắk Nông báo cáo kết quả công tác CCHC năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Ban hành văn bản triển khai thực hiện

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về Kế hoạch CCHC tỉnh năm 2023 với 07 lĩnh vực và 55 hoạt động, đến nay tỉnh đã triển khai thực hiện 55/55 hoạt động (đạt 100% Kế hoạch đề ra). Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo công tác CCHC tỉnh đã kịp thời tham mưu UBND tỉnh các văn bản triển khai công tác CCHC, triển khai thông báo kết luận, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo công tác CCHC của Chính phủ¹ đến các cơ quan, đơn vị, địa phương để tổ chức thực hiện. Căn cứ Kế hoạch CCHC của tỉnh, các cơ quan, đơn vị đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện các nhiệm vụ, trong đó, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, sản phẩm đầu ra đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ.

¹ Quyết định số 257/QĐ-BCĐCCHC ngày 02/3/2023 của Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh; Quyết định số 258/QĐ-BCĐCCHC ngày 02/3/2023 của Ban Chỉ đạo về việc kiện toàn Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh; Quyết định số 451/QĐ-BCĐCCHC ngày 07/4/2023 của Ban chỉ đạo về việc ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban chỉ đạo CCHC tỉnh; Công văn số 1210/UBND-TH ngày 16/3/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Thông báo số 55/TB-VPCP ngày 24/02/2023 của Văn phòng Chính phủ; Thông báo số 592/TB-VPUBND ngày 17/5/2023 của Văn phòng UBND tỉnh về kết luận của đồng chí Lê Văn Chiến - Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh về khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện công tác đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh; Thông báo số 710/TB-VPUBND ngày 06/6/2023 của VPUBND tỉnh về việc kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Hồ Văn Mười tại Hội nghị đánh giá công tác CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số năm 2022; Công văn số 3197/UBND-TH ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Kết luận của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ tại Thông báo số 169/TB-VPCP ngày 05/5/2023 của Văn phòng Chính phủ; Công văn số 1278/CV-BCĐCCHC của BCĐ CCHC tỉnh về triển khai thực hiện Thông báo số 304/TB-VPCP ngày 02/8/2023 của Văn phòng Chính phủ; Công văn số 1305/SNV-CCHCVTLT ngày 25/8/2023 của Sở Nội vụ về việc rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2023; ...

- Trong năm, tỉnh đã tổ chức Hội nghị đánh giá công tác CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số và công bố Chỉ số CCHC, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, cấp huyện năm 2022. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch cải thiện, nâng cao các Chỉ số CCHC (Par Index), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công (PAPI) của tỉnh năm 2023². Định kỳ hàng tháng, UBND tỉnh tổ chức 01 buổi Cà phê Doanh nhân để gặp gỡ, thảo luận, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai đánh giá Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh; ngày 07/8/2023, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 957/QĐ-UBND về việc Quy định đánh giá, xác định Chỉ số CCHC trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở đó, Sở Nội vụ đã ban hành văn bản hướng dẫn³, tập huấn và tổ chức đánh giá chấm điểm xác định Chỉ số CCHC năm 2023 của các đơn vị theo quy định.

- Năm 2023, tỉnh Đắk Nông đã thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo CCHC định kỳ theo đúng quy định về số lượng, thời gian, nội dung gửi Bộ Nội vụ⁴.

2. Công tác kiểm tra CCHC

Năm 2023, Đoàn kiểm tra liên ngành công tác CCHC của tỉnh đã tổ chức kiểm tra tại 09/27 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện (đạt 33,33%), cụ thể tại 05 Sở: Giao thông vận tải, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và 04 UBND các huyện: Đắk Mil, Đắk R'Lấp, Đắk Song và Cư Jút và kiểm tra tại 04 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện⁵, 09 UBND cấp xã⁶. Đoàn kiểm tra đã chỉ ra các tồn tại, hạn chế tại các đơn vị, địa phương, đồng thời, yêu cầu các đơn vị chủ động khắc phục những hạn chế, tồn tại và Đoàn đã chỉ ra.

Triển khai công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức, thi đua, khen thưởng, tổ chức bộ máy, văn thư lưu trữ; tỉnh đã thành lập các Đoàn kiểm tra số: 63, 292 để tổ chức kiểm tra tại UBND huyện Tuy Đức và UBND huyện Krông Nô đối với các hoạt động quản lý nhà nước, đồng thời ban hành Kết luận kiểm tra, đề nghị các đơn vị kịp thời khắc phục theo đúng quy định.

² Kế hoạch số 433/KH-UBND ngày 05/7/2023 về việc cải thiện, nâng cao Chỉ số Par Index tỉnh năm 2023; Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 về việc ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) tỉnh năm 2023; Kế hoạch số 380/KH-UBND ngày 19/6/2023 về việc cải thiện, nâng cao Chỉ số PAPI tỉnh năm 2023;

³ Công văn số 1930/SNV-CCHCVTLT ngày 30/11/2023 về việc hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm, xác định Chỉ số CCHC năm 2023.

⁴ Báo cáo số 163/BC-UBND ngày 20/3/2023 của UBND tỉnh về công tác CCHC Quý I và phương hướng, nhiệm vụ Quý II/2023; Báo cáo số 374/BC-UBND ngày 16/6/2023 của UBND tỉnh về công tác CCHC 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023; Báo cáo số 594/BC-UBND ngày 19/9/2023 của UBND tỉnh về công tác CCHC Quý III và phương hướng, nhiệm vụ Quý IV/2023.

⁵ Các huyện: Đắk Mil, Đắk R'lấp, Cư Jút, Đắk Song.

⁶ Các xã: Đắk Lao, Thuận An, Đắk Ru và Quảng Tín, Thuận Hà, Nam Bình, Đức An, Tâm Thắng, Cư K'nia.

3. Công tác tuyên truyền CCHC

- Trong năm, Đài Phát thanh và Truyền hình Đắk Nông đã phát hành 12 Chuyên mục về CCHC trên sóng truyền hình; Báo Đắk Nông đã phát hành 12 chuyên đề CCHC, Cổng thông tin điện tử tỉnh đã đăng 43 tin, bài về CCHC. Công tác CCHC của tỉnh cũng được thực hiện tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Tạp chí Diễn đàn Doanh nghiệp đưa tin 09 bài, Báo Việt Nam hội nhập đưa tin 08 bài.... Bên cạnh đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử, tổ chức các Hội nghị tập huấn về công tác CCHC....

- Ngày 08/5/2023, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị đánh giá Chỉ số CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số và công bố Chỉ số CCHC, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, cấp huyện năm 2022 với số đại biểu tham gia hơn 900 người. Thông qua Hội nghị Chủ tịch UBND tỉnh đã biểu dương các đơn vị, địa phương, tập thể, cá nhân đã có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong công tác CCHC, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Đồng thời, giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND và UBND về công tác CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh...; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu đối với công tác CCHC, thực hiện nghiêm việc tiếp công dân theo quy định; đẩy mạnh cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số trong quá trình giải quyết hồ sơ cho người dân, doanh nghiệp; tập trung phân cấp, phân quyền cho các đơn vị, địa phương; tăng cường công tác tuyên truyền CCHC đến với người dân và doanh nghiệp...

4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

Năm 2023, tổng số nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao là 170 nhiệm vụ, trong đó:

- Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn và trước hạn là 158 nhiệm vụ.

- Số nhiệm vụ trong hạn chưa hoàn thành là 12 nhiệm vụ (*dự kiến sẽ hoàn thành trong tháng 12/2023*).

5. Đánh giá mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC

Năm 2023, tỉnh Đắk Nông đã triển khai áp dụng thí điểm mô hình sáng kiến CCHC “Ngày không viết” và “Ngày không hẹn”⁷, theo đó áp dụng từ ngày 01/3/2023 đối với 04 thủ tục hành chính (TTHC)⁸ tại Bộ phận Một cửa của UBND 04 đơn vị cấp huyện và 04 đơn vị cấp xã⁹ vào Ngày thứ tư hằng tuần. Qua 06 tháng áp dụng thí điểm đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ của người

⁷ Kế hoạch số 824/KH-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai áp dụng thí điểm sáng kiến CCHC “Ngày không viết” và “Ngày không hẹn”

⁸ Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Đăng ký thành lập hộ kinh doanh; Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

⁹ Các huyện, thành phố: Cư Jút, Krông Nô, Đắk G’long, Gia Nghĩa; Các xã, phường, thị trấn: Nam Đà, Quảng Khê, Ea T’ling, Nghĩa Tân.

dân, tổ chức tại các địa phương; số lượng hồ sơ TTHC của người dân, doanh nghiệp thực hiện giao dịch tăng lên theo hằng tuần, tháng, góp phần tích cực nâng cao sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tại các địa phương. Theo đó, ngày 08/9/2023, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 580/KH-UBND triển khai nhân rộng sáng kiến CCHC “Ngày không viết” và “Ngày không hẹn” để áp dụng thực hiện đồng bộ tại Bộ phận Một cửa của UBND 08 huyện, thành phố và Bộ phận Một cửa của UBND 71 xã, phường, thị trấn trên địa bàn toàn tỉnh. Sáng kiến này đã mang lại hiệu quả thiết thực, như: Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC; nâng cao chất lượng giải quyết TTHC và sự hài lòng của người dân, tổ chức; tăng thêm sự thân thiện giữa người dân, tổ chức đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và chính quyền các cấp trong thực thi công vụ”...

Tỉnh đã thực hiện triển khai phần mềm đánh giá, xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh, cấp huyện từ năm 2020. Năm 2023, tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện phần mềm đánh giá, xác định chỉ số CCHC đối với cấp xã, được tích hợp từ phần mềm đánh giá, xác định Chỉ số CCHC của tỉnh đối với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện. Việc triển khai phần mềm đánh giá, xác định Chỉ số CCHC các cấp đã góp phần nâng cao công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành công tác CCHC trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo thông suốt, nhanh chóng, hiệu quả, đồng thời, tiết kiệm tối đa kinh phí so với mua sắm, áp dụng phần mềm riêng biệt.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

a) Kết quả công tác theo dõi thi hành pháp luật

- UBND tỉnh đã ban hành các văn bản triển khai theo dõi thi hành pháp luật năm 2023¹⁰, trong năm đã tổ chức theo dõi tình hình thi hành pháp luật các lĩnh vực quản lý, điều hành giá; lao động, việc làm. Thực hiện 01 đợt kiểm tra công tác đăng ký biện pháp bảo đảm trên địa bàn tỉnh, qua kiểm tra, 100% kết quả theo dõi thi hành pháp luật được xử lý theo đúng quy định. Ngoài ra, đã triển khai điều tra, khảo sát trực tuyến tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực lao động, việc làm.

Thường xuyên tiếp nhận, thu thập thông tin phản ánh từ các phương tiện thông tin đại chúng; phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; thông tin từ quản lý nhà nước theo lĩnh vực; kết quả hoạt động của các cơ quan giám sát, kiểm tra, thanh tra, điều tra, xử lý, truy tố, xét xử để xử lý theo quy định pháp luật.

b) Rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

¹⁰ Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 02/02/2023 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2023; Công văn số 683/UBND-NC ngày 21/02/2023 triển khai công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2023; Báo cáo số 181/BC-UBND ngày 28/4/2022 tổng kết 05 năm triển khai thực hiện "Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật" giai đoạn năm 2018-2022; Báo cáo số 341/BC-UBND ngày 05/6/2023 về tổng kết 05 năm thực hiện Đề án "Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật" giai đoạn năm 2018 - 2022 trên địa bàn tỉnh...

- Trong năm, HĐND tỉnh đã ban hành 13 Nghị quyết QPPL, UBND tỉnh ban hành 33 Quyết định QPPL. Qua rà soát, 100% văn bản QPPL của tỉnh khi ban hành đều được thẩm định, xây dựng đúng quy trình, thủ tục, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với văn bản Trung ương và phù hợp với thực tế tại địa phương. Sở Tư pháp đã cập nhật 46 văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh vào Cơ sở dữ liệu pháp luật quốc gia.

- Công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực: UBND tỉnh đã ban hành các văn bản triển khai rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL¹¹, qua rà soát, đã công bố danh mục văn bản QPPL của HĐND và UBND tỉnh hết hiệu lực đối với 34 văn bản và 06 văn bản ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2022¹²; đồng thời, bãi bỏ các Quyết định, Chỉ thị không còn phù hợp do UBND tỉnh ban hành¹³. Đảm bảo 100% văn bản QPPL của tỉnh được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát theo đúng quy định.

- Nhằm nâng cao chất lượng công tác pháp chế và để phát hiện kịp thời những sai sót, vướng mắc, bất cập, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp tổ chức kiểm tra công tác pháp chế và công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL năm 2023 tại Ban Dân tộc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; kiểm tra công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL tại HĐND và UBND huyện Đăk Mil. Triển khai hướng dẫn thực hiện hệ thống hoá văn bản QPPL; tổ chức 01 Hội nghị tập huấn về kỹ năng xây dựng, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh kỳ 2019 - 2023.

c) Kết quả kiểm tra, rà soát và xử lý văn bản QPPL

- Triển khai Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh về kiểm tra, rà soát và cập nhật văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh năm 2023, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp tiến hành tự kiểm tra đối với 33 văn bản QPPL, kiểm tra theo thẩm quyền các văn bản QPPL do cấp huyện ban hành. Kết quả kiểm tra, 100% văn bản QPPL ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định, có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp; không có văn bản QPPL trái pháp luật phải xử lý qua công tác kiểm tra.

b) Thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

- UBND tỉnh đã ban hành các văn bản triển khai phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023¹⁴. Tổ chức 31 Hội nghị, tập huấn tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho khoảng 2.350 người tham dự; biên soạn 13 loại tờ rơi, tờ gấp để cấp phát

¹¹ Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 16/01/2023 thực hiện hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh kỳ 2019 - 2023; Báo cáo số 111/BC-UBND ngày 28/02/2023 về báo cáo kết quả rà soát, bãi bỏ văn bản QPPL thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính.

¹² Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 16/01/2023.

¹³ Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 03/10/2023.

¹⁴ Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 17/02/2023 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2023; Quyết định số 372/QĐ-HĐPH ngày 29/03/2023 ban hành Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 29/03/2023 triển khai Đề án "tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân"; kiện toàn đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh.

cho người dân; tổ chức Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 (sửa đổi năm 2020) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Ngoài ra, mỗi Quý phát hành miễn phí Bản tin Tư pháp với số lượng 2.000 cuốn/số; đăng tải các bài viết trên Trang thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh; Đài Phát thanh và Truyền hình Đắk Nông mở Chuyên mục “Pháp luật với đời sống” với thời lượng mỗi tháng 02 số.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Công tác kiểm soát TTHC

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 về hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh năm 2023, Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 16/01/2023 về rà soát, đơn giản hoá TTHC trên địa bàn tỉnh năm 2023; tiến hành rà soát, ban hành Quyết định¹⁵ công bố danh mục TTHC trực tuyến một phần và toàn trình thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ban, ngành, địa phương theo đúng quy định.

- Hiện nay, tổng số TTHC tại các cấp trên địa bàn tỉnh là 1.710 TTHC; trong đó: Cấp tỉnh có 1.392 TTHC (628 TTHC toàn trình, 764 TTHC một phần); cấp huyện có 201 TTHC (124 TTHC toàn trình, 77 TTHC một phần); cấp xã có 117 TTHC (52 TTHC toàn trình, 65 TTHC một phần).

- Tỉnh đã thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC của ngành dọc tại Bộ phận Một cửa các cấp theo Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện, cấp xã theo quy định.

- 100% TTHC và các quy định liên quan về TTHC được công khai đầy đủ, kịp thời trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; Cổng Dịch vụ công của tỉnh; Trang thông tin điện tử của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện; Trung tâm Phục vụ Hành chính công và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã theo đúng quy định.

b) Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC

- 100% TTHC được thực hiện tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã theo đúng quy định. 100% hồ sơ TTHC công khai đảm bảo tiến độ và kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. 100% hồ sơ TTHC do cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh được tiếp nhận, giải quyết công khai trên Cổng dịch vụ công của tỉnh.

- Năm 2023, tỉnh đã triển khai khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước cấp huyện trên địa bàn tỉnh với tổng số 1.000 mẫu Phiếu khảo sát. Trung tâm Phục vụ hành chính công đã

¹⁵ Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 25/7/2023.

thực hiện khảo sát trên Hệ thống đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về tình hình tiếp nhận và giải quyết TTHC, kết quả từ ngày 05/12/2022 đến ngày 04/12/2023, như sau: Tiếp nhận 9.392 lượt đánh giá; trong đó, hài lòng 9.350 lượt (chiếm tỷ lệ 99,55%), bình thường 42 lượt (chiếm tỷ lệ 0,45%), không hài lòng 0 lượt (chiếm tỷ lệ 0%).

c) Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị

- Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã có văn bản chấn chỉnh công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, yêu cầu các đơn vị rà soát, đánh giá tình hình thực hiện và có giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng cùng cấp, giữa cơ quan chức năng cấp tỉnh với các địa phương trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Trong đó, chú trọng phối hợp tốt để xử lý, giải quyết các vụ việc phức tạp, nổi cộm, kéo dài và có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của nhiều cơ quan, tổ chức.

- Năm 2023, đã tiếp nhận và xử lý 179 đơn phản ánh, kiến nghị về TTHC, chủ yếu liên quan đến lĩnh vực đất đai.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Về công tác tổ chức bộ máy

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 555/KH-UBND ngày 10/7/2023 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10/7/2023 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Đến nay, 100% cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện đã sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy; 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, phòng chuyên môn cấp huyện đã ban hành và thực hiện đúng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Năm 2023, số đơn vị sự nghiệp công lập sau sắp xếp toàn tỉnh có 417 đơn vị, giảm 21 đơn vị so với năm 2022. Số đơn vị sự nghiệp công lập cắt giảm so với năm 2015 là 84 đơn vị.

- Trong năm, tỉnh đã triển khai mô hình thí điểm hợp nhất Phòng Y tế vào Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện tại 03 huyện¹⁶, hợp nhất các Hạt Kiểm lâm thành Hạt Kiểm lâm liên huyện¹⁷, thành lập 06 tổ chức phối hợp liên ngành¹⁸, tổ chức lại 06 cơ quan, đơn vị¹⁹ và toàn 04 tổ chức phối hợp liên

¹⁶ UBND các huyện: Đắk Mil, Đắk Song, Tuy Đức.

¹⁷ Hợp nhất thành các Hạt Kiểm lâm liên huyện: Đắk Glong - Gia Nghĩa, Tuy Đức - Đắk R'lấp, Đắk Song - Đắk Mil, Krông Nông - Cư Júc.

¹⁸ Hội đồng xét công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, Ban chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án "Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam"

ngành²⁰; ban hành Quyết định sáp nhập các đơn vị²¹; ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 02 đơn vị²².

b) Tình hình quản lý, sử dụng biên chế CBCCVC

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1482/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính tỉnh Đắk Nông năm 2023 là: 1.898 biên chế, trong đó cấp tỉnh 1.185 biên chế và cấp huyện 713 biên chế; Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của UBND tỉnh về việc giao biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội được Đảng và Nhà nước giao năm 2023 là 12.946 biên chế, trong đó các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thương xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên là 12.843 biên chế; các Hội được Đảng và Nhà nước giao 103 biên chế.

- Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh đã đáp ứng các tiêu chuẩn về tuổi, trình độ lý luận chính trị, trình độ học vấn và chuyên môn nghiệp vụ theo các quy định của Đảng, Nhà nước và các tiêu chuẩn do các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội quy định theo từng chức danh cụ thể. Trên địa bàn tỉnh có 1.452 CBCC cấp xã, trong đó: 749/749 cán bộ cấp xã đạt chuẩn (đạt 100%), 703/703 công chức cấp xã đạt chuẩn (đạt 100%).

- Năm 2023, tỉnh đã thực hiện chính sách tinh giản biên chế trên địa bàn toàn tỉnh là 28 trường hợp CBCCVC (gồm 10 trường hợp thực hiện theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, 18 trường hợp thực hiện theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP). Trong đó, khối hành chính: 08 trường hợp, khối sự nghiệp 18 trường hợp, khối xã, phường, thị trấn 01 trường hợp, các tổ chức hội 01 trường hợp.

c) Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước

Triển khai Nghị quyết 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Công văn số 5143/BNV-TCBC ngày 11/9/2023 của Bộ Nội vụ về việc nhân rộng mô hình phân cấp của UBND thành phố Hà Nội; ngày 18/9/2023, UBND tỉnh đã có Công văn số 5461/UBND-TH về việc học tập áp dụng mô hình phân cấp, trong đó đã chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan nghiên cứu mô hình phân cấp của UBND thành phố Hà Nội và căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, đơn vị, đề xuất nội dung áp dụng phân cấp, phân quyền tại địa phương, đơn vị. Hiện nay, Sở Nội vụ đang phối hợp các cơ quan, đơn vị tổng hợp các nội dung đẩy mạnh

trên địa bàn tỉnh; Ban Chỉ đạo Cuộc vận động Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo tỉnh; Ban Chỉ đạo Phong trào Tết Nhân ái tỉnh; Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện tỉnh.

¹⁹ Ban Quản lý (BQL) Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; BQL Công viên địa chất Đắk Nông thành BQL Công viên địa chất và Xúc tiến du lịch; Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thành Phòng Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; Công ty phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Tâm Thắng; Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thành Trung tâm Dữ liệu Công nghệ & Truyền thông.

²⁰ Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh; Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp tin Đắk Nông, Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự tỉnh.

²¹ Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh sáp nhập Quỹ Bảo vệ môi trường và Quỹ phát triển đất để thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh.

²² Trung tâm Khuyến nông và Giồng nông, lâm nghiệp, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban Quản lý khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

phân cấp, phân quyền theo mô hình trên bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật.

Năm 2023, tỉnh đã lồng ghép kiểm tra phân cấp quản lý trong kiểm tra liên ngành công tác CCHC. Qua kiểm tra, cơ bản các cơ quan, đơn vị đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã quan tâm bố trí nguồn lực và kinh phí để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao. Đồng thời, Đoàn kiểm tra cũng đã chỉ ra những thiếu sót và đề nghị các cơ quan khắc phục. Nhìn chung, công tác kiểm tra, giám sát đối với các nhiệm vụ đã phân cấp cơ bản được thực hiện hiệu quả, không xảy ra tình trạng lạm quyền, phát huy vai trò của người đứng đầu tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai các nhiệm vụ đã phân cấp quản lý.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của CCVC

Triển khai các Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ, Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý, nghiệp vụ chuyên môn dùng chung, hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp, Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức; tỉnh đã ban hành các văn bản đôn đốc, yêu cầu các cơ quan, đơn vị khẩn trương xây dựng vị trí việc làm ngay khi các Bộ, ngành ban hành Thông tư hướng dẫn xây dựng vị trí việc làm chuyên ngành, bảo đảm nội dung, thời gian theo quy định.

b) Tuyển dụng công chức, viên chức

Triển khai Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 21/02/2023 của UBND tỉnh về việc tuyển dụng công chức tỉnh Đắk Nông năm 2023; Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 23/02/2023 của UBND tỉnh về việc tiếp nhận vào làm công chức tỉnh Đắk Nông năm 2023. Trong năm 2023, tỉnh tổ chức tuyển dụng 37 công chức; tiếp nhận 29 trường hợp vào làm công chức tỉnh; thỏa thuận tuyển dụng vào làm công chức cấp xã đối với 16 trường hợp. Công tác tuyển dụng công chức được thực hiện công khai, minh bạch theo đúng các trình tự, thủ tục và thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Website Sở Nội vụ và các đơn vị, phương tiện thông tin đại chúng.

Thực hiện tuyển dụng 419 viên chức, trong đó: 153 viên chức ngành Y tế, 137 viên chức ngành giáo dục và 129 viên chức sự nghiệp thuộc các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Công tác tuyển dụng được thực hiện công khai, minh bạch, không có tình trạng tiêu cực trong công tác tuyển dụng, 100% viên chức được tuyển dụng đảm bảo đúng theo các trình tự, thủ tục quy định.

c) Công tác cơ cấu số lượng, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý

- Hiện nay, 100% các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, các phòng thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện đã thực hiện đúng quy định về cấp phó của người đứng đầu.

- Trong năm, UBND tỉnh đã ban hành 18 quyết định điều động, bổ nhiệm; 04 quyết định bổ nhiệm lại đối với lãnh đạo thuộc các cơ quan, đơn vị. Nhìn chung, 100% lãnh đạo được bổ nhiệm đúng quy định, công tác bổ nhiệm công chức, viên chức được thực hiện đảm bảo công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật; không có tình trạng tiêu cực.

d) Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của CBCCVC

Đẩy mạnh công tác kiểm tra công vụ, trong năm, Đoàn kiểm tra công vụ của tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 75/KH-ĐKT ngày 29/3/2023 về kế hoạch kiểm tra công vụ năm 2023, tổ chức 17 đợt kiểm tra tại một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh về chấp hành giờ giấc làm việc và thực hiện giải quyết TTHC của một số UBND cấp huyện, UBND cấp xã. Kết quả kiểm tra đã cho thấy CBCCVC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương cơ bản chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và thực thi công vụ.

đ) Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC

Triển khai Kế hoạch số 822/KH-UBND tỉnh ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh về việc đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2023, tỉnh đã thực hiện hoàn thành 100% kế hoạch. Ngoài ra, thực hiện Kế hoạch CCHC của tỉnh, đã tổ chức 02 lớp tập huấn: Sử dụng phần mềm, hướng dẫn đánh giá, xác định Chỉ số CCHC cho CBCC cấp xã; nghiệp vụ đánh giá, xác định Chỉ số CCHC năm 2023 cho CBCC các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.

Trong năm, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định cử: 04 cán bộ, công chức tham gia khóa bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý nhà nước ngạch Chuyên viên cao cấp năm 2023; 17 viên chức ngành y tế tham gia đào tạo chuyên khoa cấp I; cử 03 cán bộ, công chức tham gia bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp huyện và tương đương; 03 cán bộ, công chức nữ lãnh đạo, quản lý tham gia lớp tập huấn bồi dưỡng năm 2023; 06 công chức, người quản lý doanh nghiệp nhà nước tham gia bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp Sở và tương đương; 01 viên chức ngành giáo dục tham gia đào tạo Thạc sĩ Chính sách công.

e) Công tác nâng ngạch, thi thăng hạng, chuyển ngạch

Ban hành các Quyết định: Bổ nhiệm và xếp lương ngạch chuyên viên cao cấp cho 20 trường hợp; miễn nhiệm ngạch Thanh tra viên, Thanh tra viên chính đối với 14 công chức; bổ nhiệm ngạch chuyên viên chính 04 công chức; bổ nhiệm 02 trường hợp vào chức danh nghề nghiệp Chuyên viên chính; bổ nhiệm 15 công chức vào ngạch Thanh tra viên, 07 Thanh tra viên chính; cử 13 viên chức tham gia kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Y tế từ hạng III lên hạng II và 02 kỹ sư (hạng III) thăng hạng Kỹ sư chính (hạng II).

g) Tình hình cập nhật cơ sở dữ liệu (CSDL) CBCCVC

Phần mềm quản lý CSDL CBCCVC của tỉnh đã được hoàn thành các chức năng của hệ thống, cập nhật đầy đủ dữ liệu về CBCCVC đảm bảo: Đúng - Đủ - Sạch - Sòng tại địa chỉ: <https://daknong.vnerp.vn>. Trên cơ sở đó, tỉnh đã tổ chức 10 lớp tập huấn cho các CBCC đầu mối của các cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai cập nhật hồ sơ CBCCVC lên hệ thống nhằm đảm bảo đầy đủ nội dung, số liệu theo quy định.

Tổng số CBCCVC trên địa bàn tỉnh hiện là 16.492 người. Đến nay, tổng số hồ sơ đã được cập nhật trên hệ thống CSDL CBCCVC và đồng bộ lên Cổng CSDL quốc gia là 16.492 hồ sơ (đạt 100% theo tỷ lệ Bộ Nội vụ giao).

5. Cải cách tài chính công

a) Thực hiện quản lý tài chính - ngân sách

- Thu ngân sách năm 2023: Đến ngày 15/12/2023, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh là 2.755 tỷ đồng, đạt 88% dự toán Trung ương giao, đạt 75% dự toán địa phương giao.

- Giải ngân vốn đầu tư công năm 2023: Đến ngày 15/12/2023, đã giải ngân được 1.843,4 tỷ đồng/3.980,8 tỷ đồng, đạt 46,3% vốn tỉnh giao (tăng 49 tỷ đồng, tương đương 1,2% so với tuần trước), đạt 57,56% so với vốn Thủ tướng Chính phủ giao.

b) Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước

- Thực hiện các kiến nghị tại Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương, Báo cáo quyết toán NSDP năm 2021 trở về trước, tổng các khoản kiến nghị qua kiểm toán từ năm 2021 trở về trước là 1.868.065 triệu đồng; số đã xử lý đến nay là 1.731.930 triệu đồng (đạt 93%); số còn lại là 136.135 triệu đồng (đang trong thời gian xử lý).

- Năm 2023, Kiểm toán nhà nước khu vực XII đã tổ chức thực hiện kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022, đến nay, chưa ban hành báo cáo kiểm toán, sau khi có kết luận chính thức, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện. Nhìn chung, các kiến nghị về công tác quản lý tài chính, kế toán cơ bản các cơ quan, đơn vị đã nghiêm túc thực hiện.

c) Công tác quản lý, sử dụng tài sản công

- Thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, hiện nay có 43/43 đơn vị đã ban hành Quy chế quản lý sử dụng tài sản công. Hầu hết các cơ quan, tổ chức, đơn vị ban hành lồng ghép Quy chế quản lý sử dụng tài sản công trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Năm 2023, tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại 04 cơ quan, đơn vị²³. Nhìn chung việc quản lý, sử dụng tài sản công cơ bản thực hiện theo đúng quy định.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện hiệu quả Quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện nghiêm túc quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

²³ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện: Đắk R'lấp, Đắk Glong.

trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý sử dụng ngân sách nhà nước.

- Năm 2023, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông gồm 1.500 cơ sở nhà, đất; UBND tỉnh đã phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý cơ sở nhà, đất cho 1.498 cơ sở (đạt 99,86%).

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

UBND tỉnh đã ban hành các Kế hoạch, văn bản triển khai thực hiện²⁴, kết quả đạt được như sau:

a) Kết quả xây dựng, phát triển các nền tảng, hệ thống cơ sở dữ liệu

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu: Qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) tỉnh đã kết nối với 11/23 HTTT/CSDL quốc gia²⁵. Có 06/19 sở, ban, ngành²⁶ đã triển khai và kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) với 10 hệ thống²⁷. Cổng thông tin du lịch thông minh của tỉnh đã triển khai chạy thử nghiệm, qua đó đã cung cấp các thông tin, hình ảnh quảng bá dịch vụ du lịch, thu hút gần 300.000 lượt truy cập. Hiện nay, tỉnh đang hoàn tất các thủ tục triển khai chính thức cơ sở dữ liệu ngành du lịch tỉnh Đắk Nông.

- Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp: Tỉnh đang triển khai các thủ tục để chính thức xây dựng nền tảng dữ liệu số nông nghiệp, dự kiến gồm 06 phân hệ chính, 47 nhóm chức năng và thực hiện trong giai đoạn 2023 - 2025.

- Cổng thông tin dữ liệu đất đai: Hiện nay, đã triển khai công tác đo đạc, kê khai đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn toàn tỉnh; trong đó các huyện: Đắk R'lấp, Tuy Đức, Đắk Glong, Đắk Song và Đắk Mil đã hoàn thành công tác đo đạc, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại, tỉnh đã hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính huyện Đắk R'lấp, Đắk Mil; các huyện còn lại đang tiếp tục thực hiện xây dựng Cơ sở dữ liệu quản lý đất đai.

- Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về CBCCVC: Tỉnh đã thực hiện cập nhật và đồng bộ với cơ sở dữ liệu Quốc gia về CBCCVC với 16.897/16.942 hồ sơ.

²⁴ Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 về Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông năm 2023; Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 về ban hành Quy chế quản lý, khai thác và vận hành Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh; Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 16/02/2023 về ban hành Bộ chỉ tiêu tạm thời đánh giá công nhận xã, phường, thị trấn chuyển đổi số/chuyển đổi số nâng cao giai đoạn 2023 - 2025; Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 07/4/2023 về Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo và tuyên truyền để nâng cao nhận thức về Chuyển đổi số và kỹ năng số năm 2023; Kế hoạch số 221/KH-UBND ngày 11/4/2023 về tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số năm 2023.

²⁵ CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, CSDL quốc gia về Bảo hiểm, CSDL về Văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến; hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch; hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách; hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam, CSDL quốc gia về đất đai, Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến,...

²⁶ Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Lao động - Thương binh và Xã hội.

²⁷ gồm: Quản lý di sản; phản ánh hiện trường; kinh tế - xã hội; giải quyết TTHC tỉnh; quản lý an toàn vệ sinh lao động tỉnh; CSDL về đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh; CSDL quản lý về các dự án đầu tư công; Cổng dữ liệu y tế; Cơ sở dữ liệu giáo dục; CSDL về CBCC tỉnh.

Hệ thống quản lý lưu trữ hồ sơ, dữ liệu điện tử dùng chung với khoảng 80.000.000 trang tài liệu số hóa lưu trữ.

- Trung tâm Dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây của tỉnh đã tích hợp dữ liệu tỉnh vận hành 69 máy chủ ảo hóa, kết nối với hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng quốc gia.

b) Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (iOffice) hiện đang được nâng cấp lên phiên bản 5.0 đã được tích hợp chữ ký số, chứng thư số triển khai đồng bộ 100% các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã (bao gồm các đơn vị sự nghiệp công lập). Tỉnh đã triển khai kết nối với Trung ương qua trực liên thông văn bản Quốc gia cho 18/18 sở, ban, ngành, 08/08 huyện, thành phố, 71/71 xã, phường, thị trấn và 352 các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc. Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền đảm bảo được thông suốt (đạt tỷ lệ 100%).

- Tỉnh đã có Hệ thống phòng họp không giấy đã được đầu tư, vận hành tại Văn phòng Tỉnh ủy (địa chỉ <https://phkg.daknong.gov.vn>), đồng thời hiện đang trong quá trình tiếp tục mở rộng Hệ thống phòng họp không giấy của Tỉnh ủy, sử dụng cho các cuộc họp của UBND tỉnh²⁸, nhằm tránh đầu tư trùng lặp, gây lãng phí nguồn lực của tỉnh.

- Cổng Thông tin điện tử (TTĐT) tỉnh Đắk Nông đã được chuyển đổi sang công nghệ IPv6 tại địa chỉ: <https://daknong.gov.vn/> đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định theo Nghị định số 42/NĐ-CP của Chính phủ. Các thông tin trên Cổng TTĐT được tỉnh cập nhật thường xuyên, đầy đủ, chính xác và kịp thời.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC được của tỉnh được vận hành qua Cổng dịch vụ công tỉnh tại địa chỉ <https://dichvucong.daknong.gov.vn/> đảm bảo đáp ứng đầy đủ các chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định và được tích hợp đầy đủ các Dịch vụ công trực tuyến theo danh mục được phê duyệt. Các hoạt động tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC của các cấp trên địa bàn tỉnh được thực hiện thông suốt trên hệ thống.

c) Kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 19/4/2023 về số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thuộc phạm vi, chức năng của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, qua đó các cơ quan, đơn vị đã triển khai thực hiện bảo đảm theo quy định. Hiện nay, tỉnh đã kết nối Kho lưu trữ điện tử của tỉnh với Kho lưu trữ điện tử quốc gia để hoàn thành việc số hóa bảo đảm theo quy định.

²⁸ Công văn số 970/VPUBND-HCQT ngày 03/8/2023. Nhiệm vụ này đã được UBND tỉnh chủ trương giao Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện tại Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 về ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông năm 2024.

- Triển khai số hóa liên quan đến Chứng thực điện tử, UBND tỉnh đã có Công văn số 6685/UBND-NC ngày 06/11/2023 về việc tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ, qua đó trên địa bàn tỉnh đã số hóa công tác chứng thực điện tử đạt 18.886 hồ sơ.

- Ban hành các kế hoạch, văn bản²⁹ triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Đến nay, tỉnh đã triển khai thực hiện 19/25 TTHC thiết yếu trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của Bộ Công an.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Năm 2023, UBND tỉnh Đắk Nông tiếp tục ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành và triển khai nhiều biện pháp chỉ đạo quyết liệt, sát sao trong công tác CCHC trên địa bàn tỉnh. Sau khi Bộ Nội vụ công bố Chỉ số CCHC, tỉnh Đắk Nông đã kịp thời tổ chức Hội nghị đánh giá công tác CCHC năm 2022, nhằm đánh giá kết quả đạt được, chỉ ra các tồn tại hạn chế cần phải khắc phục và chỉ đạo các cấp, các ngành tiếp tục đẩy mạnh công tác CCHC. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện CCHC, công vụ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, từ đó đảm bảo đạt được hiệu quả thực chất, đúng tiến độ triển khai trong các chương trình, kế hoạch đã đề ra.

Trên cơ sở bám sát các mục tiêu, kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch năm 2023 và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã nghiêm túc triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra; đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ, thiết thực, hiệu quả trong quá trình thực hiện công tác CCHC trên toàn tỉnh.

Tỉnh đã nhân rộng và triển khai hiệu quả mô hình sáng kiến “Ngày không viết” và “Ngày không hẹn” nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và tăng thêm sự thân thiện giữa người dân, tổ chức đối với đội ngũ CBCCVN và chính quyền các cấp trong thực thi công vụ.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, công tác CCHC của tỉnh vẫn còn một số hạn chế như sau: Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác cải cách hành chính đôi lúc chưa thực sự chặt chẽ, kịp thời, nhất là trong giải quyết TTHC của một số cơ quan, đơn vị, địa phương; việc giải ngân vốn đầu tư công vẫn còn chậm so với kế hoạch; công tác chuyển đổi số đã được đẩy mạnh, tuy nhiên tiến độ thực hiện vẫn còn chậm do hạ tầng công nghệ thông tin tại các đơn

²⁹ Kế hoạch số 488/KH-UBND ngày 31/7/2023 về việc triển khai 02 nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi và Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng; Kế hoạch số 511/KH-UBND ngày 07/8/2023 về triển khai thực hiện các mô hình của Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 25/8/2023 về việc tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến 2030...

vị còn hạn chế, chưa thực sự bảo đảm tốt nhất cho việc triển khai thực hiện các dịch vụ công trực tuyến...

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2024

1. Tiếp tục triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các Văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương, Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 04/11/2022 của Tỉnh ủy Đắk Nông về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác CCHC tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND về việc ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; ban hành và chỉ đạo tổ chức thực hiện hoàn thành 100% nhiệm vụ Kế hoạch CCHC tỉnh năm 2024.

2. Tăng cường công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương; rà soát các văn bản QPPL của địa phương để kịp thời điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung phù hợp với hệ thống pháp luật và tình hình thực tế tại địa phương. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tự kiểm tra, kiểm tra văn bản QPPL theo thẩm quyền, kịp thời xử lý văn bản trái pháp luật theo đúng quy định.

3. Đẩy mạnh kiểm soát TTHC, rà soát, đơn giản hóa TTHC; công bố kịp thời, đầy đủ Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của các đơn vị theo quy định; công khai đầy đủ danh mục các TTHC và tiến độ, kết quả giải quyết TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh và Website của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, ngành trong việc giải quyết TTHC theo hình thức liên thông cùng cấp, liên thông giữa các cấp, các ngành. Đẩy mạnh triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC; tăng cường thực hiện thanh toán trực tuyến điện tử; thanh toán trực tuyến toàn trình.

4. Ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, hội, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh.

5. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính; ban hành Kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC; tổ chức thi tuyển công chức và tiếp nhận vào làm công chức bảo đảm theo quy định của pháp luật.

6. Nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính công, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; bố trí, sử dụng hiệu quả kinh phí đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí; giảm chi trực tiếp ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công theo kế hoạch; thực hiện nghiêm kiến nghị sau kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách nhà nước. Đổi mới cơ chế quản lý đối với đơn vị sự nghiệp, nâng cao tự chủ, tự chịu trách nhiệm và tăng cường phân cấp, tạo tính chủ động cho các đơn vị sự nghiệp công lập.

7. Tăng cường đẩy mạnh công tác chuyển đổi số; triển khai hiệu quả Trung tâm Dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây; đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng Nền

tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) và Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP). Tiếp tục vận hành hiệu quả, cập nhật, thiết lập đầy đủ tính năng, đảm bảo vận hành Cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống thông tin báo cáo, Cổng dịch vụ công tỉnh.

8. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, kiểm tra, tự kiểm tra công tác CCHC, kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ đối với CBCCVC trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Báo cáo công tác CCHC năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Nông. Kính đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, TH (Dg).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Hồ Văn Mười



**THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2023**

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Đắk
Nông
Đơn vị nhận báo
cáo: Bộ Nội vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
I.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	23	
2		%	100	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	55	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	55	
3	Kiểm tra CCHC			
3.1	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	5	
3.2	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	4	
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	8	
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	8	

4	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	2	
4.2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	100	
5	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	170	
5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	158	Còn 12 nhiệm vụ đang trong hạn (dự kiến hoàn thành đúng hạn)
5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức		Có = 1; Không = 0	1
6.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	9.392	
6.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	Trực tuyến
7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp		Không = 0 Có = 1	1

II. Cải cách thể chế				
1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	59	
1.1	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	46	
1.2	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	13	
1.3	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	33	
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	36	
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	36	
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	36	
III	Cải cách thủ tục hành chính			
1	Thông kê TTHC			
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	37	
1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	412	

1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	117	
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1.710	
1.4.1	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.392	
1.4.2	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	201	
1.4.3	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	117	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	89	
2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	87	
2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,72%	
3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	35.185	
3.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	35.087	
3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	96,10%	
3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	2.282	
3.2.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	2.193	
3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	97,01%	

3.3.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	37.1864	
3.3.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	36.0759	
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100%	
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	179	
3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	179	
IV	Cải cách tổ chức bộ máy			
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	1	
1.4	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	66	
1.5	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	417	
1.5.1	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	5	
1.5.2	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	91	
1.5.3	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	321	
1.5.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	17	

2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1.898	
2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.834	
2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0	
2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	28	
2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	12,7	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	12.946	
3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	12.595	
3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	453	
3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	12,3	
V	Cải cách chế độ công vụ			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	18	
1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	82	
1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	37	
2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	29	
2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người	0	



2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	421	
2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)			
4.1	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật		0	
4.2	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
4.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
4.4	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	0	
VI	Cải cách tài chính công			
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	46,3	
1.1	Kế hoạch được giao	Tỷ đồng	3.980,8	
1.2	Đã thực hiện	Tỷ đồng	1.843,4	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	417	
2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	16	
2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	27	
2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		

2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	374	
2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

VII. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	0	
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	

5.1.3	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
5.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	94	
5.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	100	
5.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	100	
5.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	94	
5.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
6.1	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện			
6.1.1	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	Thủ tục	667	
6.1.2	Số lượng DVCTT toàn trình	Thủ tục	667	
6.2	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)			
6.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	Thủ tục	456	
6.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	196	
6.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình			
6.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	52.797	

6.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	40.607	
6.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần			
6.4.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	137.67	
6.4.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	7.478	
6.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến			
6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	1.166	
6.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	592	